TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI ----------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. ----------

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 4 - 2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Bình

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiệp

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 469/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số nhà 11, Tổ 6, Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Số nhà 11, Tổ 6, Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Anh C có mặt, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện P và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 quyển số 01/2015, ngày 17/4/2015. Quá trình chung sống anh chị xảy ra

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, xung đột nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân nhau. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Trịnh Thị N.

- Về con chung: anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 28/11/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Trịnh Thị N đã được giao, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: anh C và chị N đã có mâu thuẫn trầm trọng, anh C không còn tình cảm với chị N. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh C. Về quan hệ con chung: anh C chị N có 1 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 28/11/2015. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Nếu ly hôn, đề nghị giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến tự nguyên của anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí anh C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thành C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn, tranh chấp về con chung; chị Trịnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 288 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn anh Nguyễn Thành C có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Trịnh Thị N, nơi cư trú: Số nhà 11, Tổ 6, Khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Nguyễn Thành C là nguyên đơn, chị Trịnh Thị N là bị đơn; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: anh Nguyễn Thành C và chị Trịnh Thị N kết hôn với nhau năm 2015 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2015 ngày 17/4/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh C, quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã, xung đột nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau.

Còn đối với chị N đã được giao, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn không có lời khai.

Theo kết quả xác minh tại UBND thị trấn N thì quá trình vợ chồng anh C, chị N chung sống có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, cải vã nhau, không có sự lắng nghe, chia sẻ với nhau, tình trạng này đã kéo dài nhưng không được khắc phục. Mâu thuẫn của anh C, chị N chưa được chính quyền địa phương hòa giải do đương sự không yêu cầu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hai bên đương sự nhiều lần để hòa giải hàn gắn đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh C vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn chị N vắng mặt nên không hòa giải được, thể hiện chị N không có trách nhiệm với gia đình và bỏ mặc cuộc hôn nhân này.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị N là có thật và đã trầm trọng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh C là có cơ sở nên chấp nhận. Anh Nguyễn Thành C được ly hôn chị Trịnh Thị N.

- Về quan hệ con chung: Theo lời khai của anh C và kết quả xác minh: anh và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 28/11/2015. Hiện nay con chung đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của anh C đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Còn chị N không có ý kiến về vấn đề này. Do đó, giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 28/11/2015 cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 000775 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh Nguyễn Thành C còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

4. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91 và Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành C được ly hôn chị Trịnh Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Thành C và chị Trịnh Thị N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 28/11/2015. Hiện nay con chung đang do chị Trịnh Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N,

sinh ngày 28/11/2015 cho chị Trịnh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh C cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Thành C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hánh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thành C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 000775 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Thành C còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Thành C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Trịnh Thị N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên, đóng dấu)

Võ Xuân Sơn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT. N, H. P (01);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, VP (02).